TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1325**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2026
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 477/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1879/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2526/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Ngọc Minh A**, sinh năm 1997; Số CCCD: 075197013*** tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: K, phường L, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Ông **Võ Thế T**, sinh năm: 1988; Số CCCD: 079088012*** tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

Địa chỉ: B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 09/02/2026, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Ngọc Minh A trình bày:

Bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2017 có tổ chức đám cưới, do mai mối có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A,

thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 06/11/2017. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2024 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung và hay cãi nhau. Hai vợ chồng bà đã ly thân không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình cảm không còn hàn gắn được bà Trương Ngọc Minh A yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Võ Thế T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T có 01 con chung là trẻ Võ Hạo N (giới tính: Nam), sinh ngày: 11/11/2018. Sau khi ly hôn bà Minh A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Hạo N, bà Minh A không yêu cầu ông Tân cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ngọc Minh A xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, cũng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Thế T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông Võ Thế T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Ngọc Minh A đối với ông Võ Thế T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trương Ngọc Minh A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thế T. Bị đơn ông Võ Thế T có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Ông Võ Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Thế T.

- Bà Trương Ngọc Minh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Ngọc Minh A.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130 do Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 06/11/2017 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Ngọc Minh A trình bày: Bà và ông Võ Thế T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2017 có tổ chức đám cưới, do mai mối có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 06/11/2017. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2024 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung hay cãi nhau. Hai vợ chồng bà đã ly thân không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình cảm không còn hàn gắn được bà Trương Ngọc Minh A yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Võ Thế T.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Võ Thế T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn với bà Trương Ngọc Minh A nhưng ông Võ Thế T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông Võ Thế T đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, ông Võ Thế T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Võ Thế T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Ngọc Minh A xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Căn cứ vào Công văn số 1301/UBND ngày 06/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T có nội dung như sau: *"Trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến nay, Ủy ban nhân dân phường Bình Đông không tiếp nhận yêu cầu giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân liên quan đến bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T. Các nội dung khác không rõ."*

Xét thấy bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T đã không còn chung sống với nhau và có thời gian sống ly thân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã

không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông Võ Thế T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Trương Ngọc Minh A yêu cầu ly hôn với ông Võ Thế T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ngọc Minh A đối với ông Võ Thế T.

[3.2] Về con chung: Bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T có 01 con chung là trẻ Võ Hạo N, giới tính: Nam, sinh ngày 11/11/2018. Sau khi ly hôn bà Minh A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Hạo N, bà Minh A không yêu cầu ông Tân cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà Minh A là xuất phát từ tình yêu thương và trách nhiệm đối với con của mình, đồng thời việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của con chung về mọi mặt. Xét thấy bà Minh A đang có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo cho sinh hoạt của con, hiện nay trẻ Võ Hạo N còn nhỏ và đang sống chung với mẹ và cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần tạo điều kiện để trẻ Võ Hạo N và có sự ổn định về mặt tâm lý, tình cảm. Đồng thời tại Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ đề ngày 30/3/2026 thể hiện nguyện vọng của trẻ là mong muốn được sống với mẹ (bà Trương Ngọc Minh A). Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Võ Hạo N, giới tính: Nam, sinh ngày: 11/11/2018 cho bà Trương Ngọc Minh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Trương Ngọc Minh A không yêu cầu ông Võ Thế T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Trương Ngọc Minh A nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Võ Thế T đến khi bà Trương Ngọc Minh A có yêu cầu.

Tại phiên tòa ông Võ Thế T vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Trương Ngọc Minh A xác định quá trình chung sống cùng ông Võ Thế T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Trương Ngọc Minh A và

ông Võ Thế T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Bà Trương Ngọc Minh A xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trương Ngọc Minh A phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025

Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ngọc Minh A với ông Võ Thế T. Bà Trương Ngọc Minh A được ly hôn với ông Võ Thế T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 130 do Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 06/11/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ Võ Hạo N, giới tính: Nam, sinh ngày: 11/11/2018 cho bà Trương Ngọc Minh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông Võ Thế T cho đến khi bà Trương Ngọc Minh A có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Ngọc Minh A xác định quá trình chung sống cùng ông Võ Thế T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Trương Ngọc Minh A xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Ngọc Minh A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0015136 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Ngọc Minh A đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Ngọc Minh A và ông Võ Thế T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND khu vực 10 – Tp. HCM (2);
- Thi hành án dân sự Tp. HCM (1);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

2 000025 699201

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền